

22 Tháng Sáu 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)



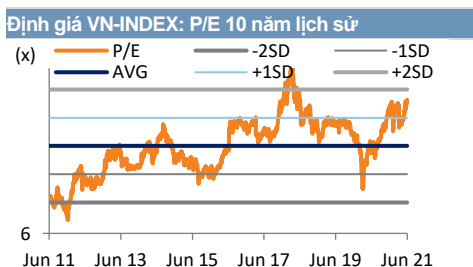
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,379.97	0.53	7.48	58.38
HNX	317.09	0.27	6.41	176.40
UPCOM	90.10	0.43	10.37	58.96
MSCI EM	1,350.52	-0.79	1.54	35.03
NIKKEI	28,884.13	3.12	2.00	28.73
HANG	28,309.76	-0.63	-0.52	15.50
KOSPI	3,263.88	0.71	3.40	53.47
FTSE	7,076.68	0.20	0.84	13.32
S&P 500	4,224.79	1.40	1.66	35.50
NASDAQ	14,141.48	0.79	4.98	40.62

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.92	2.77	14.85
SET	30.06	1.72	5.98
JCI INDEX	31.61	1.53	5.83
PCOMP	29.37	1.69	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (hns)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.09	0	-4	-96
10 năm	2.18	-1	-16	-83

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,017	0.00	0.17	0.80
US\$/KRW	1,132	0.25	-0.43	7.43
US\$/JPY	110	-0.18	-1.56	-3.22
US\$/EUR	0.84	0.14	2.66	-5.37
US\$/GBP	0.72	0.45	2.05	-10.11
US\$/SGD	1.35	-0.28	-1.41	3.38

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	884	1,006	486
HNX	130	168	67
UPCOM	71	71	30



## Nhận định thị trường

### Chứng khoán Việt Nam hưởng ứng tích cực từ Phố Wall và Châu Á.

Sau phiên giảm điểm nhẹ ngày hôm qua, VN-Index đã trở lại xu hướng giao dịch tích cực trong ngày hôm nay. Đón nhận ngày mới với thông tin tăng điểm mạnh từ thị trường chứng khoán Mỹ và các thị trường chứng khoán trong khu vực Châu Á và đặc biệt là Nikkei 225, giúp cho VN-Index mở cửa trong hứng khởi. Tiếp theo sau đó, VN-Index duy trì được đà tăng đến hết phiên giao dịch và đóng cửa tại 1.379,9 điểm, tăng 7,3 điểm, tương ứng +0,5% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 22.393 tỷ đồng, HNX: 3.672 tỷ đồng, UPCOM: 2.147 tỷ đồng.

Tuy là phiên tăng điểm nhưng hôm nay ghi nhận số mã giảm (204) lớn hơn so với số mã tăng (189). Nguyên nhân đến từ sự đóng góp của nhóm VN30 khi có 17/30 mã tăng điểm, và một số blue-chip còn tăng mạnh như CTG (+3,2%), MBB (+3,3%), NVL (+4,1%), HDB, GAS (+2%)

Khối ngoại bán mạnh ngày hôm nay với giá trị xấp xỉ 500 tỷ đồng, tập trung vào PVI (503 tỷ)

Phiên giao dịch tăng điểm khiến điểm số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã tăng lên mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
FTSE 100 (EU)	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Dow Jones	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (22/06/2021)	1,379.9	Kháng cự 1 <b>1.400</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 <b>1.500</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.300</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.200</b>

Tuy là phiên tăng điểm nhưng xu hướng giao dịch của VN-Index vẫn thận trọng quanh vùng kháng cự.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/06/2021)	1.490	Kháng cự 1 <b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2 <b>1.600</b>
VN30 – đóng cửa	1.489	Hỗ trợ 1 <b>1.400</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+1,6</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.300</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	0	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	+2	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M chạm ngưỡng kháng cự 1.500 điểm và điều chỉnh nhẹ.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	19.5	8,969,085	4	KHẢ QUAN	5,787	13.9	1.2
ACB	35.65	11,804,280	1	TRUNG TÍNH	96,324	11.2	2.5
AGR	13.3	3,292,885	-4	TIÊU CỰC	2,809	23.3	1.4
ART	10.2	7,722,295	-6	TIÊU CỰC	989	37.8	0.9
ASM	14.7	2,750,700	6	KHẢ QUAN	3,805	8.4	0.8
BID	45	5,020,905	-6	TIÊU CỰC	180,991	22.0	2.3
BSI	21.3	2,388,580	-2	TRUNG TÍNH	2,589	10.4	1.7
BSR	21.5	23,799,120	5	KHẢ QUAN	66,661	#N/A N/A	2.1
BVH	59.9	1,401,300	2	TRUNG TÍNH	44,465	23.5	2.2
CEO	11	4,769,885	5	KHẢ QUAN	2,831	#N/A N/A	1.0
CII	20.15	2,946,120	5	KHẢ QUAN	4,813	362.2	1.0
CTG	51.9	15,898,330	0	TRUNG TÍNH	193,245	10.9	2.1
CTR	94.5	661,465	2	TRUNG TÍNH	6,783	24.3	6.4
CTS	22	2,231,275	-4	TIÊU CỰC	2,341	9.0	1.6
DBC	61.6	2,307,450	2	TRUNG TÍNH	7,099	4.9	1.6
DCM	19.8	4,598,140	2	TRUNG TÍNH	10,482	17.6	1.6
DDV	14.8	3,488,820	-2	TRUNG TÍNH	2,162	75.9	1.7
DGC	81.2	1,174,170	4	KHẢ QUAN	13,892	14.8	3.4
DIG	26.7	6,760,015	0	TRUNG TÍNH	10,944	14.3	2.3
DPM	22.8	2,320,935	4	KHẢ QUAN	8,922	11.8	1.1
DRC	29.4	2,112,290	2	TRUNG TÍNH	3,493	12.4	2.0
DXG	24.4	14,646,320	-2	TRUNG TÍNH	12,646	#N/A N/A	1.9
FIT	14	9,910,740	-2	TRUNG TÍNH	3,566	52.4	1.2
FLC	14.55	31,310,320	2	TRUNG TÍNH	10,330	7.5	1.1
FPT	85.4	2,705,185	2	TRUNG TÍNH	77,498	20.8	4.6
GAS	94.9	1,145,435	5	KHẢ QUAN	181,634	24.1	3.6
GEX	22.6	5,948,375	-2	TRUNG TÍNH	17,655	13.5	1.9
GMD	43.55	2,947,340	4	KHẢ QUAN	13,125	35.0	2.2
GVR	34.35	6,638,120	4	KHẢ QUAN	137,400	31.5	2.9
HAH	30.3	1,734,970	2	TRUNG TÍNH	1,436	8.7	1.3
HBC	16	5,716,130	4	KHẢ QUAN	3,694	41.7	1.0
HCM	44.5	6,557,035	4	KHẢ QUAN	13,574	18.1	2.9
HDB	34.35	5,725,340	2	TRUNG TÍNH	54,746	11.1	2.2
HDC	64.4	1,071,930	3	TRUNG TÍNH	4,284	16.0	3.5
HDG	43.2	1,752,045	-2	TRUNG TÍNH	6,665	6.1	2.0
HNG	11.45	14,913,095	6	KHẢ QUAN	12,693	487.7	1.5
HPG	51.7	30,455,136	-4	TIÊU CỰC	231,250	12.7	3.5
HQC	4.15	17,079,796	4	KHẢ QUAN	1,978	277.5	0.5
HSG	41.8	11,810,765	-2	TRUNG TÍNH	20,444	8.5	2.5
HUT	8.4	7,283,070	0	TRUNG TÍNH	2,257	#N/A N/A	0.8
IDC	37.3	5,309,850	-2	TRUNG TÍNH	11,190	35.7	3.0
IJC	33.7	8,146,805	4	KHẢ QUAN	7,316	11.0	2.2
ITA	7.73	13,573,435	2	TRUNG TÍNH	7,253	34.9	0.7
KBC	39	8,358,755	5	KHẢ QUAN	18,321	23.8	1.8
KDC	60.2	1,514,065	5	KHẢ QUAN	13,771	44.8	2.4
KDH	37.3	3,495,790	0	TRUNG TÍNH	22,928	19.2	2.8
KSB	30.35	1,790,885	4	KHẢ QUAN	2,022	8.0	1.2
LCG	13.6	3,163,440	2	TRUNG TÍNH	1,567	4.4	0.9
LPB	29.4	18,948,964	-6	TIÊU CỰC	31,594	14.0	2.1
LTG	39.2	1,092,370	2	TRUNG TÍNH	3,159	10.2	1.1
MBB	42	26,435,340	5	KHẢ QUAN	117,548	11.6	2.3
MBS	28.7	2,819,320	-2	TRUNG TÍNH	6,740	15.8	2.5

MSN	108.5	1,515,185	0	TRUNG TÍNH	128,088	84.7	7.9
MWG	146	771,080	7	KHẢ QUAN	69,413	16.1	4.0
NKG	32.1	3,705,040	-4	TIÊU CỰC	5,521	9.7	1.6
NLG	39.4	3,371,530	2	TRUNG TÍNH	11,240	9.8	1.7
NVB	18.9	8,282,385	-4	TIÊU CỰC	7,689	708.5	1.8
NVL	113.5	2,104,395	7	KHẢ QUAN	166,579	36.8	5.2
OIL	16	3,702,640	7	KHẢ QUAN	16,548	#N/A N/A	1.7
PAN	28.9	1,799,920	2	TRUNG TÍNH	6,037	30.7	1.7
PDR	88.4	4,897,230	-2	TRUNG TÍNH	43,031	32.7	8.1
PET	22.3	2,818,025	2	TRUNG TÍNH	1,864	12.1	1.2
PHR	57.4	960,505	4	KHẢ QUAN	7,778	8.1	2.4
PLX	58.6	4,623,540	6	KHẢ QUAN	72,887	20.1	3.1
PNJ	98.5	411,355	-1	TRUNG TÍNH	22,396	19.8	3.9
POW	12.55	13,875,680	5	KHẢ QUAN	29,390	12.1	1.0
PVD	23.85	11,900,275	0	TRUNG TÍNH	10,044	155.4	0.7
PVS	30.5	18,665,356	3	TRUNG TÍNH	14,578	22.2	1.2
PVT	21.15	6,818,395	2	TRUNG TÍNH	6,845	9.3	1.4
REE	57.6	759,035	4	KHẢ QUAN	17,801	10.0	1.5
ROS	6.86	19,789,830	0	TRUNG TÍNH	3,894	214.0	0.6
S99	22	1,864,630	4	KHẢ QUAN	1,153	5.6	1.3
SBS	13.2	4,188,895	-4	TIÊU CỰC	1,672	1,455.3	8.1
SBT	22.2	4,091,455	4	KHẢ QUAN	13,701	19.6	1.7
SCR	11.25	11,802,800	-2	TRUNG TÍNH	4,122	23.3	0.9
SHB	27.2	31,723,076	-4	TIÊU CỰC	52,375	15.5	2.0
SHI	25.95	1,824,065	-4	TIÊU CỰC	2,364	31.1	2.1
SHS	41.2	11,428,330	0	TRUNG TÍNH	8,539	8.7	2.3
SSI	49.5	15,800,280	-2	TRUNG TÍNH	32,418	17.8	2.8
STB	30.2	35,924,504	-2	TRUNG TÍNH	54,470	20.2	1.8
SZC	40.5	1,147,935	2	TRUNG TÍNH	4,050	19.1	3.0
TCB	50.9	18,497,300	-4	TIÊU CỰC	178,400	12.5	2.3
TCH	22.7	5,969,260	4	KHẢ QUAN	9,061	8.9	1.6
TNG	24.2	2,903,110	2	TRUNG TÍNH	1,925	12.9	1.6
TPB	35.45	4,959,825	-6	TIÊU CỰC	37,991	9.3	2.0
TSC	11.9	6,682,100	-6	TIÊU CỰC	1,757	121.4	1.1
VCB	107.6	2,441,490	4	KHẢ QUAN	399,075	18.8	4.0
VCI	52.5	3,158,270	4	KHẢ QUAN	17,483	18.4	3.5
VCS	106.3	399,230	2	TRUNG TÍNH	17,008	12.5	4.0
VGJ	19.5	4,265,930	4	KHẢ QUAN	9,750	34.2	1.6
VHC	45.85	2,064,770	0	TRUNG TÍNH	8,342	11.9	1.6
VHM	111.5	4,313,400	2	TRUNG TÍNH	366,781	14.2	4.0
VIB	50.6	1,224,940	-6	TIÊU CỰC	78,589	15.0	4.1
VIC	117.5	2,226,360	-2	TRUNG TÍNH	397,436	54.0	4.9
VIX	29.7	5,268,905	2	TRUNG TÍNH	3,793	5.6	1.8
VJC	115	569,330	2	TRUNG TÍNH	62,285	51.0	4.1
VND	42.1	7,123,900	0	TRUNG TÍNH	9,031	12.4	3.2
VNM	90.6	3,607,850	2	TRUNG TÍNH	189,350	19.4	6.0
VPB	66	37,721,640	-4	TIÊU CỰC	162,013	14.3	2.9
VRE	31.5	6,324,610	2	TRUNG TÍNH	71,578	26.8	2.4

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Giá thép giảm sau khi Trung Quốc tuyên bố điều tra đầu cơ quặng sắt

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc cho biết sẽ điều tra các hoạt động đầu cơ trên thị trường quặng sắt. Giá thép thanh vẫn tại cảng Thiên Tân, Trung Quốc ngày 22/6 ở mức 4.795 nhân dân tệ/tấn (742,4 USD/tấn), giảm 79 nhân dân tệ/tấn (12,2 USD)/tấn, tương đương với 1,6% so với ngày 21/6, giảm 1,2% so với tuần trước và 3,3% so với tháng trước. Giá thép tại Trung Quốc giảm sau động thái của chính phủ Trung Quốc về việc điều tra đầu cơ quặng sắt, nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất thép. Giá quặng giảm ngay sau động thái trên của Trung Quốc. Cụ thể, giá quặng sắt kỳ hạn trên sàn giao dịch Đại Liên giảm 9% ngày 21/6, xuống còn 173 USD/tấn. Tại các khu chợ, giá thép giảm khoảng 5%, xuống còn 206,55 USD/tấn, theo thông tin từ S&P Global Platts. Tại cảng Thiên Tân, giá quặng 62% Fe ngày 21/6 ở mức 212,75 USD/tấn, giảm 0,68% so với ngày 20/6, giảm 0,61% so với tuần trước. Trong tuyên bố đưa ra ngày 21/6, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc, cơ quan lập chiến lược kinh tế hàng đầu của nước này, cho biết họ sẽ điều tra các hoạt động đầu cơ trên thị trường quặng sắt và “trừng phạt nghiêm khắc” các hành vi sai phạm. Động thái này đánh dấu bước đi mới nhất của các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc nhằm hạ nhiệt hàng hóa tăng giá cao trong thời gian qua. Hàng hóa tăng giá đẩy chi phí tại các nhà máy sản xuất của Trung Quốc lên cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và đe dọa siết chặt lợi nhuận của ngành thép.

### HPG: Hơn 1,1 tỷ cổ phiếu HPG được giao dịch bổ sung vào ngày 28/6

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo hơn 1,1 tỷ cổ phiếu HPG của Tập đoàn Hòa Phát được niêm yết bổ sung từ 22/6 và bắt đầu được giao dịch từ 28/6. Đây là lượng cổ phiếu Hòa Phát phát hành thêm để trả cổ tức cổ phiếu năm 2020. Khối lượng cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán của HPG tăng từ 3,3 tỷ lên 4,47 tỷ đơn vị.

### VCG: chốt quyền chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông

Vinaconex (HoSE: VCG) thông báo việc dùng 36,2 triệu cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông, tỷ lệ phân phối 9%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 6/7. Cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình chia lại cho cổ đông sẽ được bán trên sàn chứng khoán. Vào cuối năm 2020, Vinaconex đã dùng hơn 1.600 tỷ từ thặng dư vốn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu để mua 39,3 triệu cổ phiếu quỹ. Nếu chia 36,2 triệu đơn vị thì doanh nghiệp còn lại 3,1 triệu cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu VCG chốt phiên ngày 21/6 ở vùng giá 48.500 đồng/cp, tăng 10% trong vòng 1 tháng qua. Tạm tính theo giá này, lượng cổ phiếu quỹ doanh nghiệp muốn chia cho cổ đông có giá trị 1.756 tỷ đồng. Theo quy định, chia cổ phiếu quỹ thì cổ phiếu sẽ không bị điều chỉnh giá.

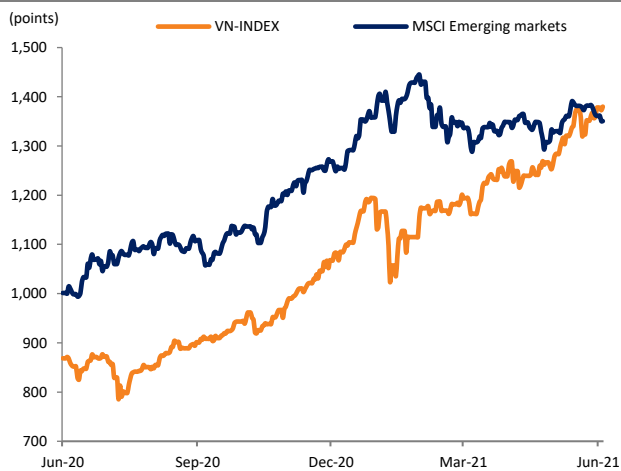
### VNR: sắp trả gần 200 tỷ đồng cổ tức và phát hành cổ phiếu thường tỷ lệ 15%

Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Vinare, HNX:VNR) thông báo 29/6 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền trả cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). Với hơn 131 triệu cổ phiếu đang lưu hành, dự kiến Vinare sẽ trả khoảng 197 tỷ đồng để hoàn thành nghĩa vụ chi trả cổ tức cho cổ đông. Thời gian thanh toán là ngày 28/7. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng dự kiến phát hành hơn 19,6 triệu cổ phiếu thường với tỷ lệ 15% cho cổ đông hiện hữu để nâng vốn điều lệ lên 1.507 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần tại ngày 31/1/2020 (gần 566,4 tỷ đồng). Cổ phiếu thường không bị hạn chế chuyển nhượng, thời gian dự kiến phát hành trong năm nay sau khi các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

### MED: dự kiến chào bán gần 6,3 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100%.

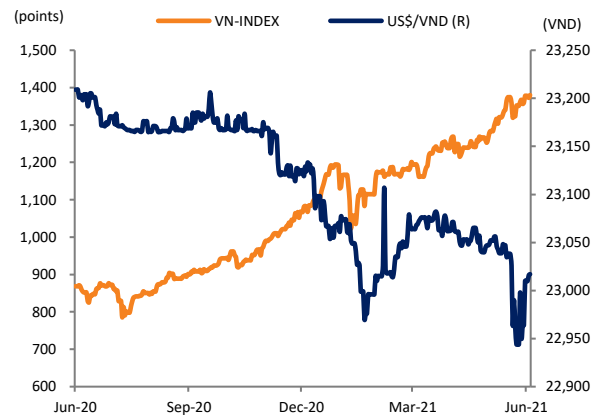
Nghị quyết HĐQT Dược phẩm Mediplantex (HNX:MED) thông qua phương án chào bán gần 6,3 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được mua thêm 1 cổ phiếu mới). Vốn điều lệ dự kiến tăng gấp đôi lên 125,6 tỷ đồng. Giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu, tức nguồn vốn huy động hơn 157 tỷ đồng. Trên thị trường, đóng cửa phiên 21/6, thị giá cổ phiếu này ở mức 37.900 đồng/cp. Doanh nghiệp có kế hoạch sử dụng nguồn vốn huy động được trong giai đoạn 2021 – 2022, cụ thể 120 tỷ đồng được dùng để mua sắm máy móc, thiết bị; 20 tỷ đồng để thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác; 17 tỷ đồng còn lại để bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho cán bộ công nhân viên).

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



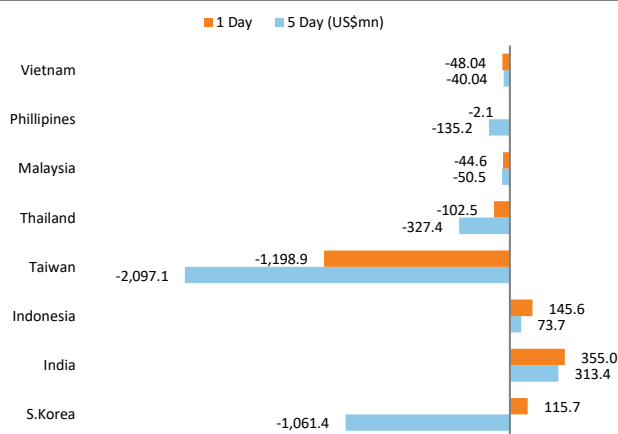
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



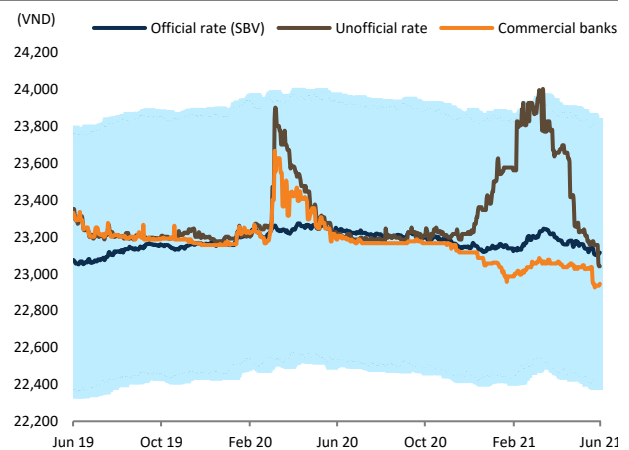
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



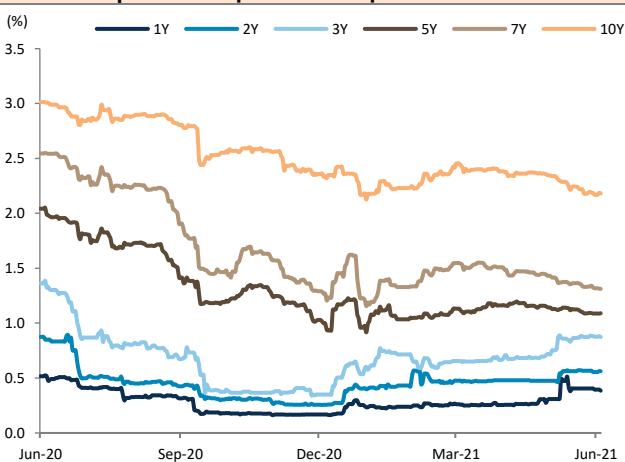
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



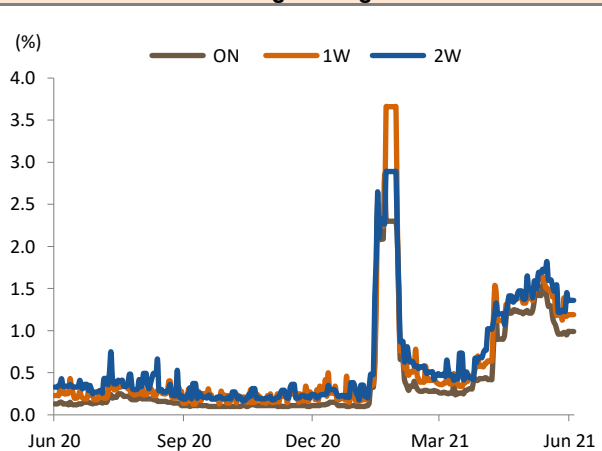
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,489.24</b>	<b>3,602,466</b>		<b>0.7</b>	<b>0.1</b>	<b>4.5</b>	<b>83.9</b>	<b>14.6</b>	<b>12.5</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>14.0</b>	<b>17.4</b>	<b>22.8</b>	<b>20.6</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	45,000	180,991	16.6	0.0	0.2	0.6	9.0	19.2	14.0	2.0	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,900	44,465	27.2	0.3	-2.1	12.4	22.2	25.9	23.0	2.1	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	51,900	193,245	25.3	3.2	-0.4	7.6	121.3	11.9	9.8	2.0	1.7	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	85,400	77,498	49.0	-0.2	2.6	4.7	109.0	19.4	15.9	4.3	3.7	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	94,900	181,634	2.5	2.0	7.0	17.2	29.8	18.1	16.8	3.4	3.2	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	34,350	54,746	17.3	2.1	-1.2	7.7	113.9	10.0	8.3	1.9	1.5	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,700	231,250	36.1	1.0	-2.8	6.4	206.8	8.6	8.0	2.6	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,300	22,928	31.8	-0.1	1.1	9.7	77.7	19.4	15.3	2.5	2.2	2.6	27.1	14.2	15.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	42,000	117,548	21.4	3.3	6.9	21.2	178.5	10.6	9.1	2.0	1.7	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	108,500	128,088	32.8	-0.2	1.9	-3.0	86.1	47.4	27.0	6.2	5.0	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	146,000	69,413	49.0	0.1	5.9	0.4	70.0	13.4	10.7	3.4	2.8	25.9	25.3	28.1	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	113,500	166,579	8.0	4.1	9.1	12.2	164.0	38.2	32.8	4.6	4.8	1.4	16.4	16.5	12.6
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	88,400	43,031	4.1	-2.3	-4.4	16.3	368.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	58,600	72,887	17.2	0.0	6.9	2.1	27.4	21.6	17.9	3.0	2.9	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	98,500	22,396	49.0	0.4	2.6	-3.2	66.7	17.2	13.2	3.6	2.9	32.9	30.7	23.2	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,550	29,390	3.2	0.4	4.1	7.3	19.5	14.1	11.9	1.0	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	57,600	17,801	49.0	-1.0	1.2	-0.7	84.3	9.8	7.9	1.2	1.2	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,200	13,701	8.9	-0.4	8.3	11.6	50.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	49,500	32,418	46.3	1.0	-4.8	26.9	225.7	20.3	15.8	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,200	54,470	11.9	1.2	0.3	4.7	158.1	26.0	17.7	1.8	1.6	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,900	178,400	22.5	1.0	-2.7	0.2	145.3	11.0	9.4	2.0	1.6	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,700	9,061	14.2	-0.4	1.8	0.9	5.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,450	37,991	30.0	0.6	-1.5	7.4	106.7	8.3	7.0	1.7	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	107,600	399,075	23.4	0.9	4.7	11.2	25.8	17.5	14.6	3.4	2.8	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	111,500	366,781	22.7	-0.4	-1.0	7.3	42.4	12.0	11.0	3.2	2.6	11.5	8.9	31.2	26.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	117,500	397,436	14.1	0.1	-3.5	-4.1	21.3	84.8	53.5	4.3	3.9	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	115,000	62,285	18.3	0.9	-1.7	2.0	5.5	153.3	23.5	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,600	189,350	54.8	0.0	-2.5	1.6	-5.8	18.4	17.3	5.7	5.4	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,000	162,013	15.4	-0.8	-0.8	-2.7	190.7	11.7	11.1	2.2	1.8	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,500	71,578	30.7	-0.9	-4.1	3.8	14.1	24.8	19.9	2.3	2.0	21.4	24.7	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.



**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>7.34</b>	<b>5,149,128</b>	<b>0.5</b>	<b>0.9</b>	<b>7.5</b>	<b>58.4</b>	<b>16.8</b>	<b>13.9</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>12.9</b>	<b>20.8</b>	<b>19.4</b>	<b>18.6</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,581	-0.3	-1.2	5.6	43.0	6.1	5.6	1.2	1.1	34.8	8.4	12.2	11.6
Ngân hàng	5.68	1,735,243	1.2	1.8	8.7	79.4	14.3	11.5	2.3	1.9	31.0	22.0	19.0	18.8
Xây dựng cơ bản	0.16	184,190	0.4	0.5	7.0	69.6	5.8	4.7	0.4	0.3	9.7	28.3	5.2	6.1
Dịch vụ thương mại	0.01	4,749	1.0	4.6	6.6	22.4	7.6	5.9	NA	NA	18.8	27.9	10.2	12.3
May mặc và trang sức	0.02	45,553	0.1	2.9	3.8	138.9	12.8	10.5	2.6	2.2	44.8	22.2	17.8	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	8,400	0.7	1.5	4.2	12.0	NA	9.6	NA	NA	NA	NA	-7.3	5.1
Dịch vụ tài chính	-0.05	88,371	0.0	-0.7	28.7	202.3	11.9	6.5	0.5	NA	23.3	28.2	8.8	6.6
Năng lượng	0.09	92,812	0.3	2.8	6.2	43.9	22.8	17.3	2.5	2.5	NA	28.5	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.74	529,890	-0.5	1.5	4.6	26.2	23.7	17.5	4.6	4.0	38.8	29.0	20.5	21.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	939	-0.9	-5.1	7.3	20.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,840	0.5	-0.4	-0.5	-5.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.04	52,501	0.3	-2.8	12.7	25.2	23.2	20.4	1.9	1.8	11.6	13.8	7.8	8.4
Nguyên vật liệu	-0.03	512,815	-0.1	0.8	16.8	164.7	14.9	14.3	2.1	0.9	79.1	-1.6	22.7	17.4
Giải trí và truyền thông	0.00	1,541	0.3	0.8	-6.2	-26.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.01	36,630	-1.4	-5.0	6.8	54.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.14	1,258,257	0.1	-0.9	6.4	29.3	9.3	8.0	1.5	1.0	10.6	14.3	9.2	9.7
Bán lẻ	-0.02	77,848	0.2	1.7	4.5	64.1	37.3	25.8	3.1	2.7	18.4	18.0	15.1	14.0
Phần mềm và dịch vụ	-0.04	81,860	-0.1	4.3	0.3	66.4	12.6	10.0	3.1	2.5	38.3	24.3	25.3	25.6
Thiết bị và phần cứng	-0.02	5,481	-0.2	3.3	4.8	105.1	18.2	15.0	4.0	3.5	29.9	19.3	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,428	-1.6	-2.3	-7.2	235.1	13.1	11.2	3.4	2.7	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.31	163,199	-1.0	-4.0	20.6	221.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.09	269,270	0.7	0.7	4.7	27.4	61.9	11.7	26.8	1.3	NA	NA	-71.0	-35.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	113,500	4.1	2,860,800	1.8
CTG VN	51,900	3.2	21,910,600	1.6
MBB VN	42,000	3.3	35,453,700	1.0
VCB VN	107,600	0.9	1,481,900	1.0
GAS VN	94,900	2.0	1,273,100	1.0
ACB VN	35,650	2.6	14,872,000	0.7
HPG VN	51,700	1.0	18,459,100	0.6
TCB VN	50,900	1.0	17,224,200	0.5
HDB VN	34,350	2.1	4,849,100	0.3
VCG VN	50,600	4.3	580,800	0.3

Nguồn: Bloomberg

**Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
SAB VN	167,100	-1.7	207,400	-0.5
VHM VN	111,500	-0.4	2,497,800	-0.5
VPB VN	66,000	-0.8	16,227,700	-0.3
PDR VN	88,400	-2.3	3,891,300	-0.3
VRE VN	31,500	-0.9	3,411,300	-0.2
GVR VN	34,350	-0.4	5,910,700	-0.2
HPX VN	36,350	-5.1	547,400	-0.1
HNG VN	11,450	-2.6	14,517,300	-0.1
DCM VN	19,800	-2.7	5,703,200	-0.1
APH VN	61,600	-2.2	506,900	-0.1

**Disclaimers**

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.